TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN H THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:204/2020/QĐCNTT-HNGĐ	*Quận H, ngày 30 tháng 06 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 244/2020/TLST/HNGĐ ngày 19 tháng 05 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: **Anh Phạm Ngọc T** – sinh năm 1972

HKTT và trú tại: Số 253 tổ 32 phường P, quận Đ, TP.H

Bị đơn: **Chị Nghiêm Thị Thúy G –** sinh năm 1977

HKTT: Số 253 tổ 32 phường P, quận Đ, TP.H

Trú tại: P401 nhà A7, phường D, phường T, quận H, TP.H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ Khoản 7 Điều 26, Điểm a khoản 5 Điều 27; điểm b Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành ngày 19 tháng 06 năm 2020

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành ngày 19 tháng 06 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Phạm Ngọc T – sinh năm 1972

Chị Nghiêm Thị Thúy G – sinh năm 1977

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về tình cảm: Anh Phạm Ngọc T và chị Nghiêm Thị Thúy G cùng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên nhất trí cùng thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Hai bên xác nhận có 02 con chung:

Phạm Tuấn M, sinh ngày 28/06/2004

Phạm Minh Q, sinh ngày 03/05/2008

Hiện tại sức khỏe con chung bình thường, phát triển tốt.

Khi ly hôn giao 02 con chung cho chị G trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng kể từ khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

2.3. Về cấp dưỡng:

Anh T cấp dưỡng nuôi con chung là 6.000.000 đồng/ tháng kể từ khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

2.4. Về tài sản chung, nhà ở chung:

Hai bên không yêu cầu giải quyết. Nên Tòa án không xét.

2.5. Về công nợ chung:

Hai bên không yêu cầu giải quyết. Nên Tòa án không xét.

2.6. Về án phí: Anh T tự nguyện chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền phí cấp dưỡng nuôi con chung được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí anh T đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/000xxxx ngày 19 tháng 05 năm 2020 của chi cục thi hành án dân sự quận H, TP.H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường P, quận Đ, TP.H;
(Giấy chứng nhận kết hôn số xxx quyển số 01/2004 ngày 04 tháng 02 năm 2004)
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

PHẠM XUÂN THỦY